TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 26-11-2019
V/v: *"Chia tài sản chung sau ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn
Các thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương
Bà Đỗ Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 58/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐ-PT ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn H sinh năm 1946.
Địa chỉ: tổ 7, Khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953.
Địa chỉ: tổ 7, Khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

+ Người đại diện hợp pháp cho bị đơn:
Ông Phan Đình Bảo Tr, sinh năm 1983 (theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2019).
Địa chỉ: số 33 (số mới 272), phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị S.

4. Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

(Ông H, ông Trí có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn H trình bày:

Ông H và bà S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1985 và năm 2017 được Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh giải quyết cho ly hôn tại Quyết định số 308/2017/HNGĐ, ngày 17/7/2017.

Về phần tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 786,6m^2 thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 12 tại ấp N, xã B, nay là khu phố N, phường B; thửa đất số 78, tờ bản đồ 34, diện tích 91,5m^2 và thửa đất số 65, tờ bản đồ số 34, diện tích 15.988,1m^2 tại ấp T, xã B, thị xã Long Khánh, nay là khu phố T, phường B, thành phố L Trước đây khi ly hôn ông H, bà S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng sau đó thì không thỏa thuận được.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông như sau:

- Một phần thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, khu phố N, phường B diện tích 299,6m^2, được giới hạn bởi các mốc 2, 3, a, b, c và 2 theo bản trích lục và đo vẽ hiên trạng thửa đất số 794/2019, trong đó có 150m^2 đất thổ cư, trị giá phần đất này là 100.000.000 đồng. Phần đất này vẫn để trống và không liên quan gì đến phần đất đã bán cho ông Diệu và ông Tạo. Bà S nhận phần đất còn lại trên đất có căn nhà cấp 4.

- Đối với thửa đất số 65, tờ bản đồ số 34 có diện tích 15.988,1m^2, ông H, bà S thỏa thuận, ông H được quyền sử dụng diện tích đất 7.589,4m^2 tại khu phố T, phường B được giới hạn bởi các mốc 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 16, theo bản trích lục và đo vẽ hiên trạng thửa đất số 794/2019, trị giá phần đất này là 320.000.000 đồng. Bà S nhận phần còn lại diện tích 8.398,7m^2 và thửa đất số 78, tờ bản đồ 34 diện tích 91,5m^2 tại khu phố T, phường B . Ông Sự có trách nhiệm sẽ khoan giếng, kéo điện, chừa lối đi và hỗ trợ bà S làm căn nhà tạm trên phần đất chia cho bà S .

+ Theo án sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Về việc ly hôn như ông H trình bày là đúng. Về yêu cầu chia tài chung của ông H, bà S có ý kiến như sau:

Đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, Khu phố N, phường B, thành phố L đây là tài sản riêng của bà S , nguồn gốc là do bà S làm công nhân cao su từ năm 1970 đến năm 1983 được nông trường cao su cấp riêng cho bà S, trong quá trình chung sống chuyển đổi sổ đỏ do ông H thực hiện bà S không biết và cũng không ký bất cứ giấy tờ gì để chuyển thửa đất này thành tài sản chung của vợ chồng. Theo yêu cầu của ông H,

bà S không đồng ý, bà S chỉ đồng ý chia cho ông H một phần đất ngang 05m, sâu vào 18m giáp với phần đất đã bán cho ông Tạo hoặc theo bản vẽ nhưng chỉ lấy chiều ngang 04m, phần đất còn lại thì bà S sẽ chia cho các con để có chỗ làm nhà ở.

Đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ 34, diện tích 91,5m^2 và thửa đất số 65, tờ bản đồ số 34, diện tích 15.988,1m^2 tại khu phố T, phường B , thành phố Long Khánh là tài sản chung của vợ chồng mua từ năm 1990, đến năm 2011 thì ông H không quan tâm đến công việc nữa, nên bà S và con trai là anh Nguyễn Thành Tuyên bỏ vốn xây dựng hệ thống điện nước, chuyển đổi cây trồng trên đất. Bà S thống nhất thỏa thuận chia một phần diện tích 7.589,4m^2 cho ông H theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên theo thỏa thuận ngày 28/6/2019 ông H phải kéo điện, khoan giếng, hỗ trợ làm căn nhà tạm trên phần đất chia cho bà S và ông H phải chừa lại một lối đi trên phần đất của ông H làm lối đi chung, bà S nhận phần đất còn lại diện tích 8.398,7m^2 và thửa đất số số 78, tờ bản đồ số 34, diện tích 91,5m^2 tại khu phố T, phường B, thành phố L

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tuyên xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 14, 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông H đối với bà Nguyễn Thị S, về việc "chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn".

2. Ông H được quyền sử dụng một phần thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, Khu phố N, phường B, thành phố L diện tích 299,6m^2 , được giới hạn bởi các mốc 2, 3, a, b, c và 2 theo bản trích lục và đo vẽ hiên trạng thửa đất số 794/2019, trong đó có 150m^2 đất thổ cư. Bà S được quyền sử dụng phần đất còn lại tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12 tại Khu phố N, phường B, thành phố L, trên đất có căn nhà cấp 4.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông H được quyền sử dụng một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 34 có diện tích 7589,4m^2 tại khu phố T, phường B , thành phố Long Khánh được giới hạn bởi các mốc 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 và 16, theo bản trích lục và đo vẽ hiên trạng thửa đất số 794/2019. Bà S được quyền sử dụng phần còn lại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 34 có diện tích 8398,7m^2 là một phần thửa đất số 65, tờ bản đồ số 34, tại khu phố T, phường B , thành phố Long Khánh và thửa đất số 78, tờ bản đồ 34, diện tích 91,5m^2, khu phố T, phường B, thành phố L Ông H có trách nhiệm khoan giếng, kéo đường điện, hỗ trợ bà S làm căn nhà tạm trên phần đất chia cho bà S và để một lối đi phù hợp trên đất ông H được chia để đi vào phần đất của bà S .

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 12/8/2019 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do không khách quan, chưa phù hợp.

+ Ngày 29/8/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai ký quyết định số 277/QĐ/KNPT-P9 kháng nghị bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm bỏ sót tư cách người tham gia tố tụng và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị hủy bản án sơ thẩm, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

+ Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

- Về đường lối giải quyết:

Cấp sơ thẩm đã bỏ sót tư cách người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 277/QĐ/KNPT-P9, ngày 29/8/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai; hủy bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo và kháng nghị: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về thủ tục tố tụng:

+ Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị S cho rằng tài sản đất đai, nhà cửa ông H yêu cầu Tòa án chia đều có sự đóng góp của các con ông H, bà S (BL 18, 50) và ngày 06/12/2018, cấp sơ thẩm nhận bản tường trình đề ngày 05/12/2018 của anh Nguyễn Thành Tuyên, sinh năm 1985 là con ông H, bà S với nội dung: Đối với 02 thửa đất số 65 và 78, tờ bản đồ số 34 tại khu phố T, phường B , thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, từ năm anh 17 tuổi đến năm 2011, anh phụ làm hoa màu trồng chuối. Đến năm 2011 chuyển đổi cây trồng sang cây sầu riêng, cây tiêu, xây dựng hệ thống điện nước và chăm sóc cây sầu riêng, cây tiêu cho đến nay nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh (BL 17).

Cấp sơ thẩm không đưa anh Tuyên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét công sức đóng góp của anh Tuyên trong khối tài sản chung của ông H, bà S là bỏ sót tư cách người tham gia tố tụng, vi phạm khoản 1 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm ông H xác định, quá trình chung sống giữa ông H và bà S ngoài anh Tuyên còn có 03 người con chung là chị Nguyễn Thùy Vân, chị Nguyễn Như Phi và anh Nguyễn Việt Trí, cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai để xác định họ có tài sản hay công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung mà ông H yêu cầu chia hay không, họ có yêu cầu gì hay không để xem xét đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

+ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2018 (BL 42) thể hiện bà Nguyễn Thị S có mặt nhưng lại không có chữ ký trong biên bản còn ông Bùi Văn Kiên là người đại diện cho Ủy ban nhân dân phường Bàu Sen, ông Hồ Xuân Quang đại diện Văn phòng đăng ký đất đai không có trong Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ nhưng lại có ký tên trong biên bản là vi phạm khoản 1 Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về phần án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị S không có đơn đề nghị miễn giảm án phí nhưng cấp sơ thẩm lại miễn án phí cho bà S là không đúng quy định pháp luật, vi phạm khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Về thu thập chứng cứ :

+ Tại biên bản ghi nhận việc đo vẽ ngày 27/11/2018 (BL 42) thể hiện phần đất các đương sự tranh chấp gồm 03 thửa: thửa số 44, tờ bản đồ số 12 tại Khu phố N, phường B, thành phố L và các thửa số 65, 78, tờ bản đồ số 34 tại khu phố T, phường B , thành phố Long Khánh nhưng kết quả đo vẽ chỉ có 02 thửa đất là thửa số 44, tờ bản đồ số 12 và thửa số 65, tờ bản đồ số 34, không có trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính thửa số 78, tờ bản đồ số 34 tại khu phố T, phường B . Việc cấp sơ thẩm không thực hiện đo vẽ hiện trạng thửa đất tranh chấp để làm cơ sở giao đất cho 01 trong các bên đương sự sử dụng là chưa đủ căn cứ chính xác để giao đất.

+ Tài sản các đương sự tranh chấp gồm: Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 12, có 01 căn nhà cấp 4 trên đất tại khu phố N, phường B và các thửa số 65, 78, tờ bản đồ số 34 tại khu phố T, phường B, thành phố L Cấp sơ thẩm không tiến hành cho các bên đương sự thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp hoặc tiến hành định giá tài sản, thẩm định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót theo quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm thiếu sót phần xác định giá trị tài sản tranh chấp nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để tính phần án phí mà bà S phải chịu trong vụ án này như đã phân tích ở trên.

Từ những phân tích trên, cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót tư cách người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Do Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng phải hủy toàn bộ nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn về nội dung tranh chấp.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà S không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

[1] Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm: Chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà S không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 009918 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Toàn